

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LX  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ – ST  
Ngày: 29 – 05 – 2018  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Tân;

2. Bà Mai Thị Ngọc Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST – HNGĐ ngày 03/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Số xxx, khóm T A A, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Số xxx, khóm HT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 30/11/2017, bản tự khai ngày 13/02/2018 và tại biên bản hòa giải trong quá trình làm việc, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Minh T tự quen biết, tìm hiểu nhau. Hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010 và ngày 01/6/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MT. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng bà. Quá trình chung sống kéo dài đến năm 2014 thì ly thân do không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, T tình không phù hợp, ông T không quan T đến hạnh phúc gia đình. Nay, nhận thấy hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Đoàn Chí T sinh ngày 01/3/2011, con chung hiện nay do bà nuôi dưỡng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày không có.

Ông Đoàn Minh T không đến vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ .

***Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:***

Bà Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 03/5/2018 lý do bà phải đi làm thuê ở xa. Ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/5/2018, tại phiên tòa ông T vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Đ . Về cấp dưỡng nuôi con thì chấp nhận mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật hiện nay là 650.000 đồng.

Do bị đơn không có ý kiến về tài sản chung cũng như nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Minh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/5/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tiến hành thu thập chứng cứ là lập biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường MT xác định ông Đoàn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 23/12, khóm Hòa Thạnh, phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, hiện nay ông vẫn còn sinh sống tại địa phương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đoàn Minh T.

#### ***Về nội dung:***

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 01/6/2013 thì ông bà được Ủy ban nhân dân phường MT, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01/2013 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Bà Đ trình bày, quá trình chung sống, giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, T tình không phù hợp, ông T không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2014, ông bà ly thân và sau đó bà đi Bình Dương làm thuê đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu nhưng vợ chồng vẫn không có cơ hội hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

[6] Ông T không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà Đ , cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Tại buổi hòa giải ngày 14/3/2018, mặc dù được sự động viên của người chủ trì phiên hòa giải nhưng bà Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Đ và ông T đã không thể hàn gắn, đôi bên không còn quan T, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng, gia đình không còn gắn bó, tồn tại. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ .

[7] Về con chung: Bà Đ trình bày, vợ chồng bà có 01 (Một) con chung tên Đoàn Chí T sinh ngày 01/3/2011, lời khai của bà là phù hợp với trích lục khai sinh số 296/TLKS ngày 15/11/2017. Do thời gian qua, bà Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà tiếp tục nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật hiện nay là 650.000 đồng/tháng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Khi nào các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[10] **Về án phí:** Bà Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

***Căn cứ vào:***

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 và điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với bị đơn ông Đoàn Minh T.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 (Một) con chung tên Đoàn Chí T sinh ngày 11/3/2011. Bà Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà Đ và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

**Về án phí:** Bà Đ phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà Đ đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004941 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường MT;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Phạm Xuân Khanh**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phạm Xuân Khanh**

**Trần Phạm Xuân Khanh**